TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN H** **TỈNH NAM ĐỊNH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 236/2023/HNGĐ-ST Ngày 08-9-2023 V/v: "Ly hôn, nuôi con chung giữa chị L và anh S"	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN H, TỈNH NAM ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Phạm Thúy Nga.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lưu Văn Đê;

Ông Đỗ Việt Hùng.

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Đoàn Thị Xuyến - Thư ký Toà án nhân dân huyện H, tỉnh Nam Định.

Ngày 08 tháng 9 năm 2023, tại trụ sở, Toà án nhân dân huyện H, tỉnh Nam Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 151/2023/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 6 năm 2023 về việc "Ly hôn, nuôi con chung" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 170/2023/QĐXXST - HNGĐ ngày 23 tháng 8 năm 2023, giữa các đ-ương sự:

Nguyên đơn: Chị Lê Thị Phương L, sinh năm 2000; địa chỉ: Tổ dân phố trại Q, phường H, thị xã D, tỉnh Hà Nam.

Bị đơn: Anh Nguyễn Hồ S, sinh năm 1996; địa chỉ: Xóm 5, xã H, huyện H, tỉnh Nam Định.

(Vắng mặt chị L, anh S có lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện xin ly hôn đề ngày 25-5-2023, bản tự khai ngày 16-6-2023 và quá trình tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn chị Lê Thị Phương L trình bày:

Chị Lê Thị Phương L và anh Nguyễn Hồ S đăng ký kết hôn ngày 02-11-2021 tại Uỷ ban nhân dân xã H, huyện H, tỉnh Nam Định trên cơ sở tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống cùng với bố mẹ anh S một thời gian thì lên Hà Nội làm ăn kinh tế. Vợ chồng sống hòa thuận đến đầu năm 2022 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh S không tu trí trong công việc làm ăn kinh tế, tính tình vợ chồng cũng không hợp nhau, quan điểm lối sống khác nhau nên trong cuộc sống thường xảy ra xích mích, đánh, cãi chửi nhau. Đến tháng 3/2022, chị L đã đưa con về nhà bố mẹ đẻ ở tổ dân phố trại Q , phường H, thị xã D, tỉnh Hà Nam sinh sống, vợ chồng sống ly thân từ đó cho đến nay. Tháng 6/2023, chị L cũng đã chuyển khẩu về tổ dân phố trại Q, phường H,

thị xã D, tỉnh Hà Nam để cho tiện với công việc của chị. Nay chị L nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn nên làm đơn đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn anh S để vợ chồng giải phóng cho nhau.

Về con chung: Vợ chồng có một con chung là Nguyễn Thiện Nh, sinh ngày 01-02-2022. Hiện nay con đang ở cùng chị L, khi ly hôn chị L đề nghị tiếp tục nhận nuôi con và không yêu cầu anh S cấp dưỡng mà để anh tự nguyện cấp dưỡng. Tại buổi hòa giải của Tòa án, anh S nhất trí để con chung cho chị L nuôi dưỡng, chị L không yêu cầu cấp dưỡng, anh S cũng nhất trí. Tuy nhiên, trong thời gian Tòa án chưa ra quyết định công nhận thuận tình ly hôn thì anh S thay đổi ý kiến, anh đề nghị xin được trực tiếp nuôi con, không yêu cầu chị L cấp dưỡng. Chị L không nhất trí yêu cầu xin nuôi con của anh S vì con còn nhỏ mới được hơn một tuổi, từ khi sinh con thì chị L là người trực tiếp chăm sóc con. Anh S cũng thường xuyên đi làm xa nhà, không thể chăm sóc con được nên không đảm bảo chăm sóc con tốt bằng chị được. Chị hiện đang làm công nhân tại Công ty cổ phần công nghiệp thiết bị điện Đại An (khu công nghiệp H, huyện D, tỉnh Hà Nam) ở gần nhà bố mẹ đẻ chị, mức thu nhập của chị là từ 5.500.000đ đến 6.000.000đ một tháng nên chị có đủ điều kiện nuôi con. Chị L xác định sẽ tạo điều kiện cho anh S thăm con theo quy định. Thời gian qua anh S đưa ra lý do chị L ngăn cản không cho anh gặp con là không đúng, chị vẫn tạo điều kiện cho anh thăm con nhưng anh S muốn thăm con thì vào nhà ngoại để thăm (hiện nay chị L và con đang ở nhà bố mẹ đẻ chị L), anh S yêu cầu chị phải đưa con đến chỗ khác để thăm thì chị không đồng ý.

Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Chị L xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 23-6-2023, quá trình tố tụng tại Tòa án, bị đơn anh Nguyễn Hồ S có lời khai phù hợp với lời khai của chị L về thời gian vợ chồng kết hôn, chung sống, thời gian mâu thuẫn, sống ly thân. Theo anh S, nguyên nhân mâu thuẫn là do tính tình vợ chồng không hợp nhau, chị L có tính ương bướng, vợ chồng chỉ có những mâu thuẫn nhỏ nhưng chị L đã bỏ về nhà ngoại ở không thông báo gì với anh, lúc đó anh S đang làm trên Hà Nội cũng không biết. Sau khi chị L về nhà ngoại ở thì anh có về động viên, khuyên bảo chị suy nghĩ lại về đoàn tụ nuôi con còn nhỏ nhưng chị L không nhất trí. Nay chị L làm đơn xin ly hôn, Tòa án đã phân tích hòa giải nhưng chị L vẫn cương quyết xin ly hôn, do đó, anh S cũng chấp nhận nhất trí ly hôn để hai bên giải phóng cho nhau.

Về con chung: Anh S có lời khai thống nhất với chị L về con chung. Quá trình hòa giải tại Tòa án, anh S nhất trí với yêu cầu nhận nuôi con của chị L. Tuy nhiên, sau khi Tòa án hòa giải thành thì anh S đã thay đổi ý kiến đề nghị được trực tiếp nuôi con và không yêu cầu chị L cấp dưỡng. Lý do như sau: Anh S có yêu cầu đón con đi chơi nhưng chị L gây khó dễ không cho anh gặp con. Anh vẫn biết con còn nhỏ nên ở với mẹ là phù hợp nhưng vẫn là con chung thì anh có quyền thăm và đón con. Mặt khác anh S cho rằng do chị L có lối sống sa đọa, kinh tế chưa ổn định nên không đủ điều kiện, tư cách đạo đức để nuôi dạy con.

Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Anh S có lời khai thống nhất với lời khai của chị L nên anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, Chị L, anh S giữ nguyên ý kiến như đã trình bày và có đơn đề nghị xin vắng mặt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng*: Chị Lê Thị Phương L và anh Nguyễn Hồ S vắng mặt tại phiên tòa đã có đề nghị xin vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt chị L và anh S là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] *Về quan hệ hôn nhân*: Quan hệ vợ chồng giữa chị Lê Thị Phương L và anh Nguyễn Hồ S là quan hệ hôn nhân hợp pháp vì được xây dựng trên cơ sở tự nguyện và được Uỷ ban nhân dân xã H, huyện H, tỉnh Nam Định đăng ký kết hôn ngày 02-11-2021. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống cùng gia đình anh S một thời gian rồi cùng nhau lên Hà Nội làm ăn. Vợ chồng chung sống hòa thuận đến tháng đầu năm 2022 thì phát sinh mâu thuẫn, đến tháng 3/2022, chị L đưa con về nhà ngoại ở, vợ chồng sống ly thân từ đó cho đến nay. Nay chị L xác định không còn tình cảm với anh S nên đề nghị Tòa án cho chị được ly hôn, anh S nhất trí.

[3] Xét yêu cầu xin ly hôn của chị L đối với anh S và qua xem xét các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ, Hội đồng xét xử nhận thấy: Mâu thuẫn vợ chồng giữa chị L và anh S xuất phát từ việc vợ chồng tính tình, quan điểm sống không hợp nhau nên trong cuộc sống thường xảy ra xích mích, va chạm, đánh cãi chửi nhau. Ngoài ra, anh S cho rằng vợ chồng mới chỉ có những mâu thuẫn nhỏ nhưng chị L đã bỏ về nhà ngoại ở không thông báo gì với anh. Trong thời gian sống ly thân, chị L và anh S đều không có biện pháp, hành động thiết thực nhằm hàn gắn tình cảm để vợ chồng đoàn tụ. Bản thân anh S cũng xác định do chị L nhất quyết xin ly hôn thì anh cũng chấp nhận nhất trí. Xét mâu thuẫn vợ chồng giữa chị L và anh S là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận nguyện vọng xin ly hôn của chị L đối với anh S là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[4] *Về con chung:* Vợ chồng có một con chung là Nguyễn Thiện Nh, sinh ngày 01-02-2022, hiện nay con chung đang ở cùng chị L tại gia đình bố mẹ đẻ chị L. Quá trình Tòa án hòa giải, chị L và anh S đã thống nhất thỏa thuận con chung để chị L tiếp tục nuôi dưỡng, anh S không phải có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con cho chị L. Tuy nhiên, trong thời gian Tòa án chưa ra quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự thì bị đơn anh S thay đổi ý kiến, đề nghị Tòa án giao con chung cho anh trực tiếp nuôi dưỡng và anh không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nhưng chị L không nhất trí. Xét điều kiện hoàn cảnh và nguyện vọng của hai bên hiện nay thì thấy: Từ khi vợ chồng sống ly thân thì con chung do chị L trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, hiện nay cháu Nh được hơn 19 tháng tuổi là còn nhỏ nên cần giao cho mẹ trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng là

phù hợp với quy định tại khoản 3 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình. Anh S cho rằng chị L ngăn cản anh thăm con và kinh tế chị L chưa ổn định, không đủ điều kiện, tư cách đạo đức để nuôi dạy con nhưng anh S không có tài liệu, chứng cứ chứng minh về những ý kiến trên nên không có cơ sở chấp nhận. Mặt khác, chị L có xuất trình đơn xác nhận thu nhập hiện nay chị làm công nhân tại Công ty cổ phần công nghiệp thiết bị điện Đại An ở gần nhà bố mẹ đẻ chị, mức thu nhập từ 5.500.000đ đến 6.000.000đ một tháng nên chị có đủ điều kiện nuôi con. Anh S không xuất trình được tài liệu chứng minh thu nhập của anh.

[5] Từ những phân tích nêu trên, xét điều kiện thực tế và nguyện vọng của các bên cần giao cháu Nguyễn Thiện Nh cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cho đến khi con thành niên là đảm bảo điều kiện tốt nhất cho con; anh S không phải cấp dưỡng nuôi con cho chị L (do chị L không yêu cầu), hai bên có mọi quyền và nghĩa vụ đối với con chung là phù hợp với quy định tại các Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình.

[6] *Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản:* Chị L và anh S xác nhận không có không đề nghị giải quyết nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

[7] *Về án phí dân sự sơ thẩm*: Chị Lê Thị Phương L phải nộp án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

[8] *Về quyền kháng cáo:* Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Lê Thị Phương L và anh Nguyễn Hồ S.

2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Thiện Nh, sinh ngày 01-02-2022 cho chị Lê Thị Phương L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi con chung thành niên. Anh Nguyễn Hồ S không phải cấp dưỡng nuôi con cho chị L. Hai bên có mọi quyền và nghĩa vụ đối với con chung. Hiện cháu Nh đang ở cùng chị L nên hai bên không phải bàn giao con cho nhau.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Toà án: Chị Lê Thị Phương L phải nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tại biên lai số 0002658 ngày 05-6-2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hải Hậu. Chị L đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

4. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- TAND tỉnh;
- VKSND huyện + tỉnh;
- Chi cục THADS huyện;
- UBND xã H;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Thúy Nga